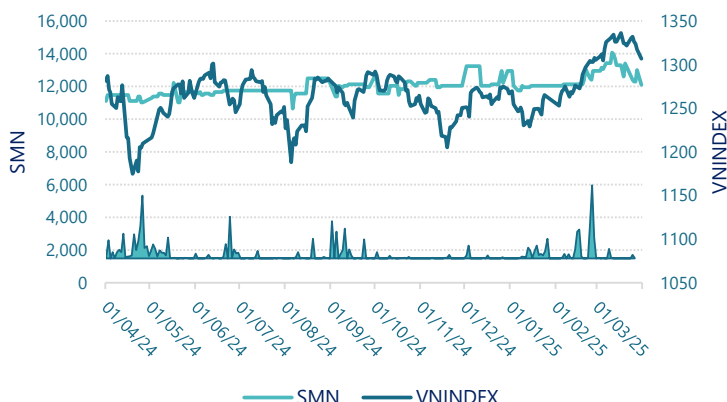


CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (HNX: SMN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	12,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,070
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,645
SL cổ phiếu LH	4,405,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,140
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	53
P/E	5.0
EPS	2,398

DT thuần

Q1/25

18.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼18.5 | -49.7%

YoY: ▲ 14.7 | 373%

LN sau thuế

Q1/25

0.05

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.55 | -91.1%

YoY: ▲ 1.24 | 104%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

2.9%

+/- YoY: ▼ 0.3%

DT thuần

2024

464

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 16.0 | 3.6%

LN sau thuế

2024

9.25

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.29 | -3.0%

ROE

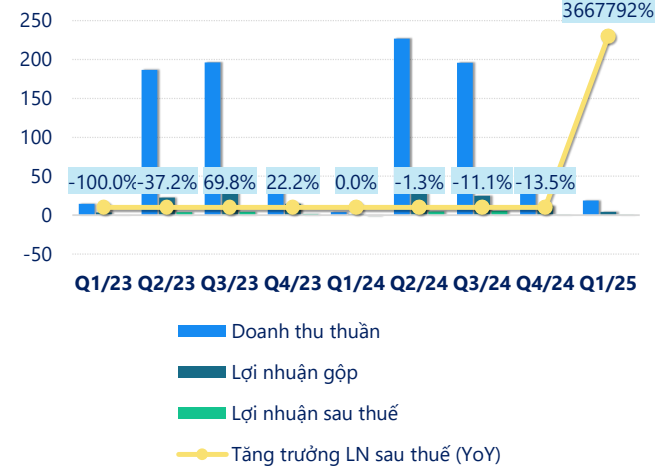
2024

11.7%

+/- YoY: ▼ 0.6%

tỷ VNĐ

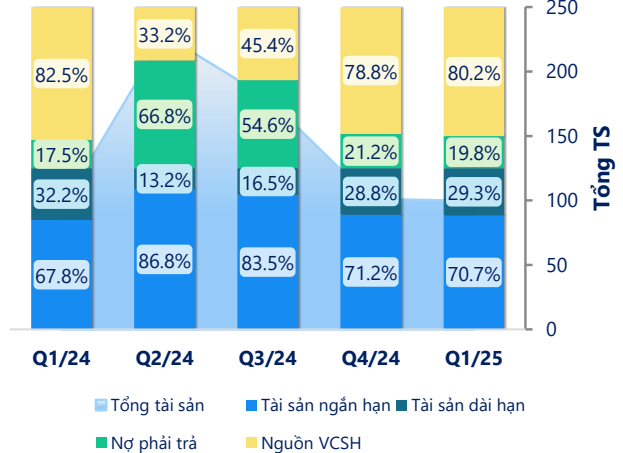
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

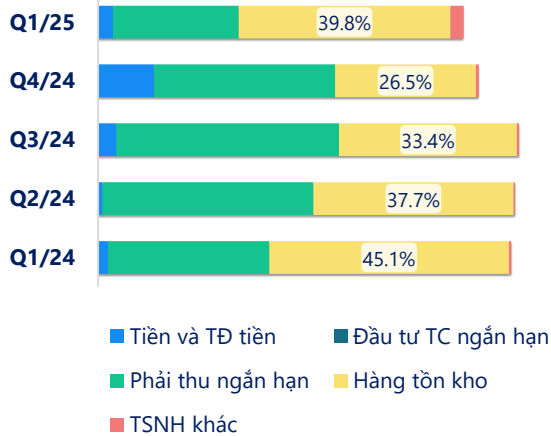
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



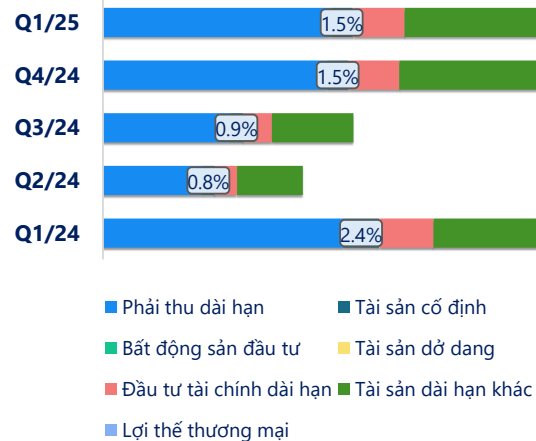
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

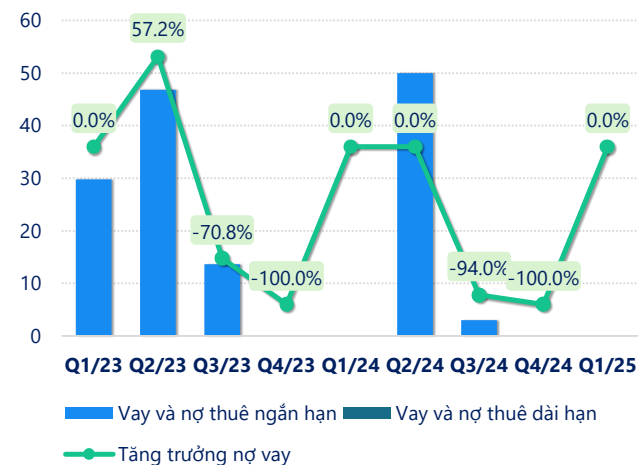
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

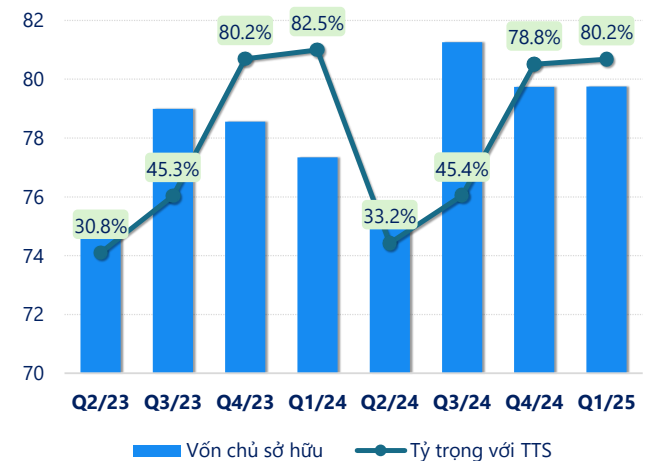
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

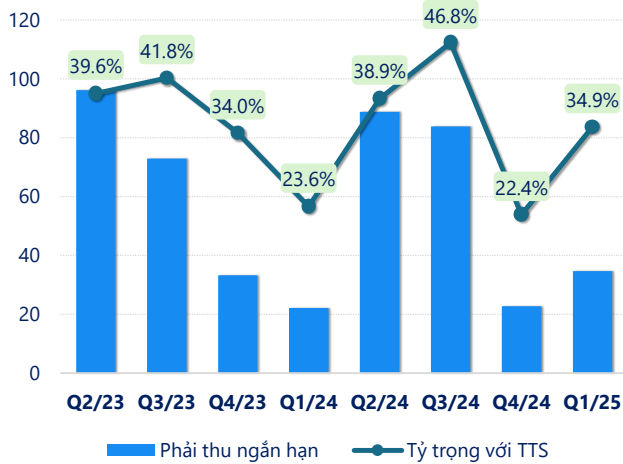
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



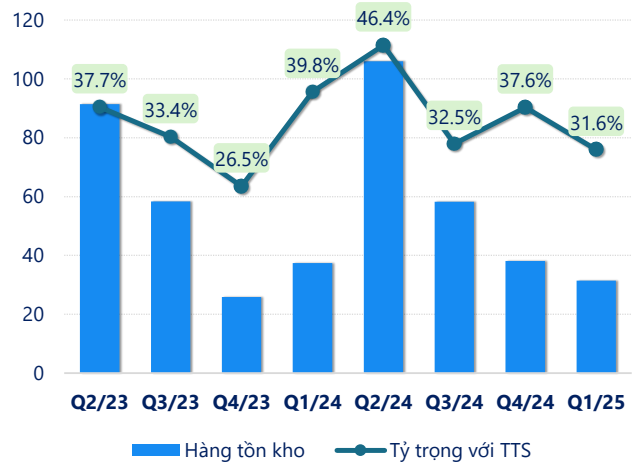
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


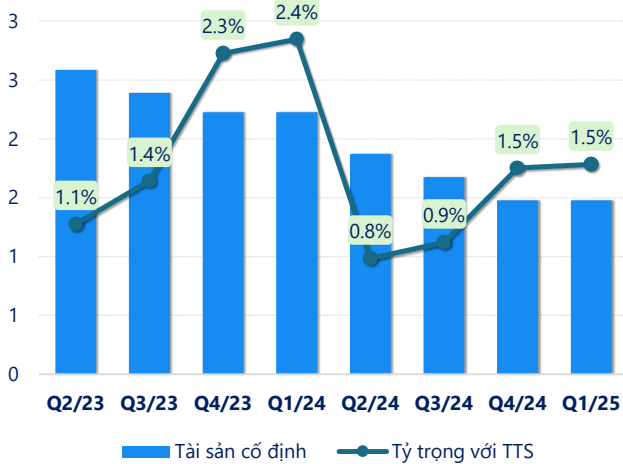
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


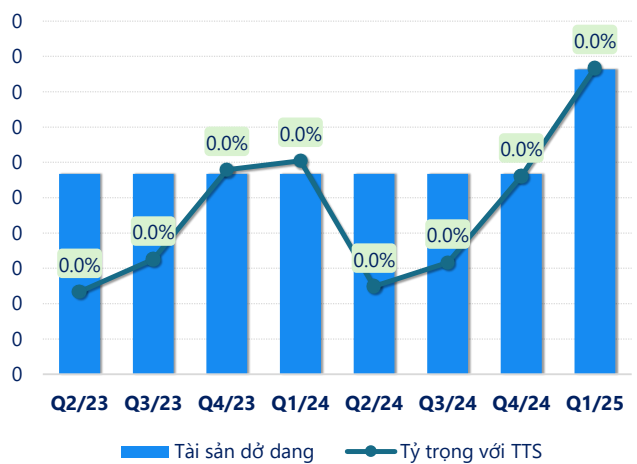
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

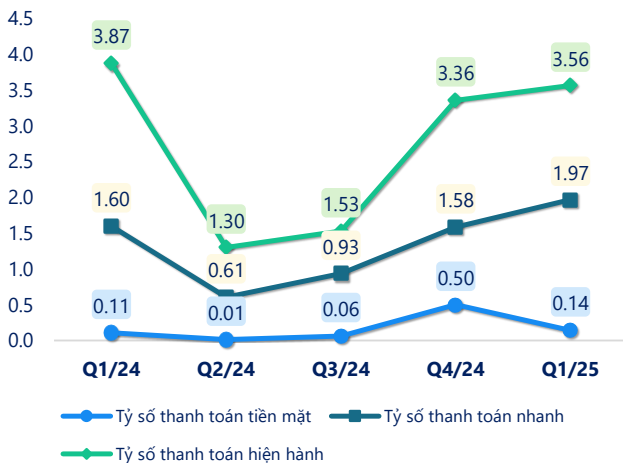
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

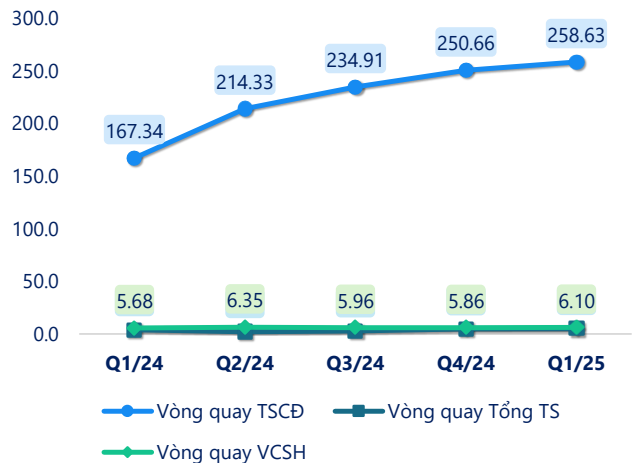
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	93.8	228	179	101	99.5
Tài sản ngắn hạn	63.6	198	150	72.1	70.4
Tiền và tương đương tiền	1.78	1.95	6.29	10.8	2.83
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	22.1	88.8	83.8	22.7	34.7
Hàng tồn kho	37.4	106	58.2	38.1	31.5
Tài sản ngắn hạn khác	2.35	1.49	1.29	0.52	1.35
Tài sản dài hạn	30.2	30.0	29.5	29.1	29.1
Phải thu dài hạn	14.8	14.9	14.9	14.9	14.9
Tài sản cố định	2.22	1.87	1.67	1.48	1.48
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.03	0.03	0.03	0.03	0.04
Đầu tư tài chính dài hạn	3.33	3.33	3.33	3.33	3.33
Tài sản dài hạn khác	9.76	9.90	9.62	9.40	9.40
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	16.4	152	97.9	21.5	19.7
Nợ ngắn hạn	16.4	152	97.9	21.5	19.7
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	50.0	3.00	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	10.6	89.1	74.6	13.4	14.0
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	77.3	75.8	81.3	79.7	79.8
Vốn chủ sở hữu	77.3	75.8	81.3	79.7	79.8
Vốn điều lệ	44.1	44.1	44.1	44.1	44.1
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)